

法规指南 CL-260401  
Điểm tin Pháp luật  
2026-04-15



标题

Tiêu đề

关于依《越南国际法若干条款之修订、补充法》在加入或恢复越南国籍时保留外国国籍之新规定  
ĐIỂM MỚI VỀ GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI KHI NHẬP TỊCH, TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

编撰

Người soạn

段晋达 律师

Luật sư Đoàn Tấn Đạt

涉及范围

Phạm vi  
liên quan

越南国籍法、修订补充法、双重国籍、保留外国国籍、入籍、恢复国籍、国家主席批准、法律依据、亲属关系、特别贡献、未成年人、无犯罪纪录、司法厅、身分核查、申请文件

Luật Quốc tịch Việt Nam, Luật sửa đổi bổ sung, Song tịch, Giữ quốc tịch nước ngoài, Nhập tịch, Trở lại quốc tịch, Chủ tịch nước cho phép, Cơ sở pháp lý, Quan hệ nhân thân, Công lao đặc biệt, Người chưa thành niên, Lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp, Xác minh nhân thân, Hồ sơ đề nghị

# 关于依《越南国际法若干条款之修订、补充法》在加入或恢复越南国籍时保留外国国籍之新规定 ĐIỂM MỚI VỀ GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI KHI NHẬP TỊCH, TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

2025年6月24日，越南社会主义共和国第十五届国会第九次会议正式通过《越南国际法若干条款之修订、补充法》，并自2025年7月1日起生效。据此，越南将放宽在入籍或恢复越南国籍时保留外国国籍的相关规定，具体如下：

Ngày 24/6/2025, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 đã chính thức thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam và có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2025. Theo đó, Việt Nam sẽ nới lỏng quy định về việc giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập tịch, trở lại quốc tịch Việt Nam, chi tiết như sau:

## 1. 自2025年7月1日起，在入籍或恢复越南国籍时可保留外国国籍之情形

**Các trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập tịch, quay trở lại quốc tịch Việt Nam từ ngày 01/07/2025**

### 1.1. 外国公民申请加入越南国籍

**Công dân nước ngoài nhập tịch Việt Nam**

*法律依据：现行《越南国籍法》第19条*

*Cơ sở pháp lý: Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam hiện hành*

申请加入越南国籍者，若属于下列情形，并符合相关条件且经国家主席批准，则可保留其外国国籍：

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam nếu thuộc các trường hợp sau đây được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép:

#### a. 在申请加入越南国籍时可保留外国国籍之对象：

Đối tượng được giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập tịch Việt Nam:

- 其配偶或子女为越南公民；  
Có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam;
- 其父亲或母亲，或祖父母或外祖父母为越南公民；  
Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam;
- 对越南建设与保卫国家事业有特别贡献；  
Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;
- 对越南社会主义共和国有益；  
Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 随父亲或母亲申请加入越南国籍的未成年人。  
Là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ.

#### b. 依法律规定之条件：

Các điều kiện theo quy định pháp luật:

# 关于依《越南国际法若干条款之修订、补充法》在加入或恢复越南国籍时保留外国国籍之新规定 ĐIỂM MỚI VỀ GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI KHI NHẬP TỊCH, TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

- 保留外国国籍须符合该外国之法律规定；  
Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;
- 不得利用外国国籍损害机关、组织、个人之合法权益，或危害越南社会主义共和国之国家安全、国家利益、社会秩序与公共安全。  
Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

与《2008年越南国籍法》中的先前规定相比，自2025年7月1日起生效之《越南国际法若干条款之修订、补充法》具有以下若干重要新内容：

So với quy định trước tại luật quốc tịch Việt Nam 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam và có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2025 có một số điểm mới quan trọng như sau:

- 扩大加入越南国籍时可保留外国国籍之对象范围：(i) 祖父母或外祖母为越南公民之外国公民；  
(ii) 随父亲或母亲申请加入越南国籍之未成年人。  
Mở rộng đối tượng được nhập quốc tịch Việt Nam được giữ quốc tịch nước ngoài: (i) Công dân nước ngoài có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam, (ii) Là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ.
- 不再要求与越南公民具有亲属关系之外国公民，必须对越南建设与保卫国家事业具有特别贡献，亦不再要求其在加入越南国籍并同时保留外国国籍时须对越南社会主义共和国有利。  
Không còn yêu cầu công dân nước ngoài có mối quan hệ thân thân với công dân Việt Nam phải có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 此项条件过去一直是重大障碍，阻碍与越南公民具有亲属关系之外国人申请加入越南国籍；因一旦无法满足该条件，即无法在保留外国国籍的同时加入越南国籍。  
Điều kiện này trước đây là rào cản rất lớn ngăn cản công dân nước ngoài có mối quan hệ thân thân với công dân Việt Nam nhập quốc tịch Việt Nam vì một khi không đáp ứng điều kiện thì họ không đủ điều kiện để nhập quốc tịch Việt Nam nhưng vẫn giữ quốc tịch nước ngoài.

## 1.2. 恢复越南国籍

### Trở lại quốc tịch Việt Nam

法律依据：现行《越南国籍法》第23条

Cơ sở pháp lý: Điều 23 Luật quốc tịch Việt Nam hiện hành

申请恢复越南国籍者，如符合下列条件并经国家主席批准者，可保留其外国国籍：

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép:

# 关于依《越南国际法若干条款之修订、补充法》在加入或恢复越南国籍时保留外国国籍之新规定

## ĐIỂM MỚI VỀ GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI KHI NHẬP TỊCH, TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

a. 保留外国国籍符合该国之法律规定；

Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;

b. 不得利用外国国籍损害机关、组织、个人之合法权益，或危害越南社会主义共和国之国家安全、国家利益、社会秩序与公共安全。

Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

与《2008年越南国籍法》中的先前规定相比，自2025年7月1日起生效之《越南国际法若干条款之修订、补充法》已不再要求申请恢复越南国籍者，须证明其放弃外国国籍会影响其在该国之权益。取消此一条件，将有助于将来有意在恢复越南国籍的同时保留外国国籍者。

So với quy định trước tại luật quốc tịch Việt Nam 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam và có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2025 đã không còn yêu cầu người trở lại quốc tịch Việt Nam phải chứng minh việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng. Việc không còn yêu cầu điều kiện này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người có nguyện vọng trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài trong thời gian tới.

## 2. 在加入或恢复越南国籍的同时保留外国国籍之申请文件、程序及手续

**Hồ sơ, trình tự và thủ tục nhập tịch, trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài**

### 2.1. 加入越南国籍并同时保留外国国籍之申请文件、程序及手续

**Hồ sơ, trình tự và thủ tục nhập tịch Việt Nam đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài**

#### a. 文件 Hồ sơ

*法律依据 Cơ sở pháp lý:*

申请加入越南国籍之文件须制作成3份，分别存放于国家主席办公室、司法部及受理机关。

Hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải lập thành 03 bộ, được lưu trữ tại Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp và cơ quan thụ lý hồ sơ.

- 申请加入越南国籍之申请书；

Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam;

- 出生证明、护照或其他具有同等效力之证件副本；

Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;

*备注：对于无国籍人士申请加入越南国籍时，可替代出生证明、护照之其他证件，系指载有其姓名、出生日期、附有本人照片并经有权机关盖章之文件，或通行证、具国际通行效力之证件。*

# 关于依《越南国际法若干条款之修订、补充法》在加入或恢复越南国籍时保留外国国籍之新规定 ĐIỂM MỚI VỀ GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI KHI NHẬP TỊCH, TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

*Lưu ý: Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày, tháng, năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.*

- 个人履历申报表；  
Bản khai lý lịch;
- 由外国有权机关依该国法律规定就申请人于国外居住期间所出具之无犯罪纪录证明文件。该证明文件自签发之日起至提交申请之日不得超过 90 日；  
Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;
- 证明越南语能力之文件（属于可在加入越南国籍同时保留外国国籍之对象者，可免提交此文件）；  
Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (đối tượng được nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài được miễn được miễn giấy tờ này)
- 证明在越南居住地及常住期间之文件（如：在加入越南国籍时已持有 5 年以上之常住卡副本）；  
Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú 05 năm trở lên tính đến thời điểm nhập quốc tịch Việt Nam);  
*备注：本项适用于配偶或子女为越南公民之情形；其他情形可免提交此文件。*  
*Lưu ý: Áp dụng đối với trường hợp có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam. Các trường hợp khác giấy tờ này được miễn*
- 证明在越南具备生活保障之文件（可免提交）。  
Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (được miễn).
- 如配偶为越南公民，须提交结婚证副本或婚姻状况证明；如父亲、母亲或子女为越南公民，须提交出生证明副本或其他合法文件以证明父母子女关系；如祖父母或外祖父母为越南公民，须提交相关合法文件副本以证明（若受理机关无法自电子户籍数据库或国家人口数据库中查询相关信息者，则需提交上述文件）。  
Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; nếu có ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam thì nộp bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

# 关于依《越南国际法若干条款之修订、补充法》在加入或恢复越南国籍时保留外国国籍之新规定

## ĐIỂM MỚI VỀ GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI KHI NHẬP TỊCH, TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

- 对越南建设与保卫国家事业具有特别贡献者，或其加入越南国籍对越南社会主义共和国有利者，须提交证明其属于相应情形之相关文件。

Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì nộp giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp tương ứng.

- 由外国有权机关出具之文件，证明保留外国国籍符合该国法律规定。若外国法律未规定出具此类文件，则申请人须提交声明书，说明该外国有权机关未规定出具此类文件，且在加入越南国籍时申请保留外国国籍符合该外国之法律规定。

Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;

- 承诺不利用外国国籍损害机关、组织、个人之合法权益，或危害越南社会主义共和国之国家安全、国家利益、社会秩序与公共安全之承诺书。

Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### b. 程序、手续 Trình tự, thủ tục

- 申请加入越南国籍者，如在国内居住，应向司法厅提交申请文件；如在国外居住，则应向越南驻外代表机构提交申请文件。若申请文件不齐全或不符合规定，受理机关应立即通知申请人补充及完善相关文件。

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ cho Sở Tư pháp nếu cư trú ở trong nước, cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại nếu cư trú ở nước ngoài. Trong trường hợp hồ sơ không có đầy đủ các giấy tờ quy định hoặc không hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận thông báo ngay để người xin nhập quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- 自收到完整且符合规定之申请文件之日起 5 个工作日内，司法厅应发文请求省级公安机关对申请加入越南国籍者之身分背景进行查核。

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.

- 自收到司法厅之请求之日起 30 日内，省级公安机关负责进行查核并将结果送交司法厅。在此期间，司法厅亦须对申请加入越南国籍之文件进行审查。

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam.

## 关于依《越南国际法若干条款之修订、补充法》在加入或恢复越南国籍时保留外国国籍之新规定 ĐIỂM MỚI VỀ GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI KHI NHẬP TỊCH, TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

- 自收到查核结果之日起 5 个工作日内，司法厅负责完成申请文件，并呈报省级人委会主席审批。

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- 自收到司法厅之建议之日起 5 个工作日内，省级人委会主席负责审查、作出结论并提出意见送交司法部。

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

- 自收到完整且符合规定之申请文件之日起 20 日内，越南驻外代表机构负责审查申请加入越南国籍之文件，并将申请文件连同对入籍之建议意见送交司法部；同时，将相关信息送交外交部，以配合履行国籍管理之国家职能。公安部依司法部之请求，负责对申请加入越南国籍者之身分背景进行查核（适用于在越南驻外代表机构提交申请之情形）。

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam và chuyển hồ sơ kèm theo ý kiến đề xuất việc xin nhập quốc tịch Việt Nam về Bộ Tư pháp; đồng thời gửi thông tin về Bộ Ngoại giao để phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quốc tịch. Bộ Công an có trách nhiệm xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam theo đề nghị của Bộ Tư pháp (áp dụng cho trường hợp nộp hồ sơ ở cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).

- 自收到省级人委会主席之建议，或就由越南驻外代表机构送交之申请文件收到公安部之查核结果之日起 20 日内，司法部负责重新审查申请文件；如认为符合加入越南国籍之条件，则应以书面通知申请人办理放弃外国国籍之手续，除申请人申请保留外国国籍或属无国籍者之外。

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc nhận được kết quả xác minh từ Bộ Công an đối với hồ sơ do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch.

- 自收到申请加入越南国籍者之放弃外国国籍证明之日起 10 个工作日内，司法部部长应向政府总理报告，并提请国家主席审议决定。

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- 如申请加入越南国籍者申请保留外国国籍，或申请人为无国籍者，则自收到省级人委会主席之建议，或就由越南驻外代表机构送交之申请文件收到公安部之查核结果之日起 20 日内，

# 关于依《越南国际法若干条款之修订、补充法》在加入或恢复越南国籍时保留外国国籍之新规定 ĐIỂM MỚI VỀ GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI KHI NHẬP TỊCH, TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

司法部负责重新审查申请文件；如认为申请人符合加入越南国籍之条件，则应向政府总理报告，并提请国家主席审议决定。

Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin nhập quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc nhận được kết quả xác minh từ Bộ Công an đối với hồ sơ do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin nhập quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- 自收到政府总理之提请之日起 30 日内，国家主席应进行审议并作出决定。

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- 在收到附有司法部通知之准予加入越南国籍决定后，省级人委会应指示司法厅为在国内居住之入籍者举行入籍决定颁发仪式；越南驻外代表机构则负责为在国外居住之入籍者举行入籍决定颁发仪式。

Sau khi nhận được Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam gửi kèm thông báo của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức Lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho người được nhập quốc tịch Việt Nam đang cư trú ở trong nước; cơ quan đại diện có trách nhiệm tổ chức Lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho người được nhập quốc tịch Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài.

- 颁发加入越南国籍决定之仪式，应依隆重且具意义之方式进行，并符合当地或驻外代表机构之实际情况。

Việc tổ chức trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam được thực hiện theo nghi thức trang trọng, ý nghĩa, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương hoặc ở cơ quan đại diện.

## 2.2. 恢复越南国籍并同时保留外国国籍之申请文件、程序及手续

### Hồ sơ, trình tự và thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài

#### a. 文件 Hồ sơ

申请恢复越南国籍之文件须制作成 3 份；在尚未具备于电子环境处理申请文件之条件与能力时，该文件将存放于国家主席办公室、司法部及受理机关。

Hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lập thành 03 bộ, được lưu trữ tại Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp và cơ quan thụ lý hồ sơ trong trường hợp chưa đủ điều kiện, khả năng giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử.

- 申请恢复越南国籍之申请书；  
Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam;
- 出生证明、护照或其他具有同等效力之证件副本；

# 关于依《越南国际法若干条款之修订、补充法》在加入或恢复越南国籍时保留外国国籍之新规定

## ĐIỂM MỚI VỀ GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI KHI NHẬP TỊCH, TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;

- 个人简历申报表；

Bản khai lý lịch;

- 由外国有权机关依该国法律规定就申请人于国外居住期间所出具之无犯罪纪录证明文件。该证明文件自签发之日起至提交申请之日不得超过 90 日；

Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp phù hợp với pháp luật của nước đó đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

- 证明申请恢复越南国籍者曾具有越南国籍之文件，包括：(i) 证明已获国家主席批准退出或被剥夺越南国籍之文件；(ii) 由越南有权机关或组织签发或确认，并载明其具有越南国籍之文件，或其他可证明其曾具越南国籍之文件；(iii) 如申请人过去之越南国籍信息可于电子户籍数据库或国家人口数据库中查询加入，则受理机关不要求申请人提交上述文件。

Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam: (i) Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; (ii) Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó; (iii) Trường hợp thông tin về tình trạng quốc tịch Việt Nam trước đây của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có thể khai thác được tại Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan tiếp nhận không yêu cầu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nộp các giấy tờ nêu trên.

- 由外国有权机关出具之文件，证明保留外国国籍符合该国法律规定。若外国法律未规定出具此类文件，则申请人须提交声明书，说明该外国有权机关未规定出具此类文件，且在加入越南国籍时申请保留外国国籍符合该外国之法律规定。

Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;

- 承诺不利用外国国籍损害机关、组织、个人之合法权益，或危害越南社会主义共和国之国家安全、国家利益、社会秩序与公共安全之承诺书。

Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### b. 程序、手续 Trình tự, thủ tục

# 关于依《越南国际法若干条款之修订、补充法》在加入或恢复越南国籍时保留外国国籍之新规定 ĐIỂM MỚI VỀ GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI KHI NHẬP TỊCH, TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

- 申请恢复越南国籍者，如在国内居住，应向其居住地之司法厅提交申请文件；如在国外居住，则应向越南驻外代表机构提交申请文件。若申请文件未依本法第 24 条规定齐备或不符合规定，受理机关应立即通知申请人补充并完善相关文件。

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nếu cư trú ở trong nước thì nộp hồ sơ cho Sở Tư pháp nơi cư trú, nếu cư trú ở nước ngoài thì nộp hồ sơ cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại. Trong trường hợp hồ sơ không có đầy đủ các giấy tờ quy định tại Điều 24 của Luật này hoặc không hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo ngay để người xin trở lại quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- 自收到完整且符合规定之申请文件之日起 5 个工作日内，司法厅应发文请求省级公安机关对申请恢复越南国籍者之身分背景进行查核。

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam.

- 自收到司法厅之请求之日起 20 日内，省级公安机关负责进行查核并将结果送交司法厅。在此期间，司法厅须对申请恢复越南国籍之文件进行审查。自收到查核结果之日起 5 个工作日内，司法厅负责完成申请文件，并呈报省级人委会主席审批。

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- 自收到司法厅之建议之日起 5 个工作日内，省级人委会主席负责审查、作出结论并提出意见送交司法部。

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

- 自收到完整且符合规定之申请文件之日起 20 日内，越南驻外代表机构负责审查申请恢复越南国籍之文件，并将申请文件连同对恢复国籍之建议意见送交司法部；同时将相关信息送交外交部，以配合履行国籍管理之国家职能。公安部依司法部之请求，负责对申请恢复越南国籍者之身分背景进行查核（适用于在越南驻外代表机构提交申请之情形）。

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam và chuyển hồ sơ kèm theo ý kiến đề xuất việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam về Bộ Tư pháp; đồng thời gửi thông tin về Bộ Ngoại giao để phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quốc tịch. Bộ Công an có trách nhiệm xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam theo đề nghị của Bộ Tư pháp (áp dụng cho trường hợp nộp hồ sơ tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).

- 自收到省级人委会主席之建议文件之日起，或就由越南驻外代表机构送交之申请文件收到公安部之查核结果之日起 20 日内，司法部负责重新审查申请文件；如认为申请恢复越南国籍

# 关于依《越南国际法若干条款之修订、补充法》在加入或恢复越南国籍时保留外国国籍之新规定 ĐIỂM MỚI VỀ GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI KHI NHẬP TỊCH, TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM THEO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM

者符合条件，则应以书面通知其办理放弃外国国籍之手续，除申请人申请保留外国国籍或属无国籍者之外。

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc kể từ ngày nhận được kết quả xác minh từ Bộ Công an đối với hồ sơ do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch.

- 自收到申请恢复越南国籍者之放弃外国国籍证明之日起 10 个工作日内，司法部长应向政府总理报告，并提请国家主席审议决定。

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- 如申请恢复越南国籍者申请保留外国国籍，或申请人为无国籍者，则自收到省级人委会主席之建议文件之日起，或就由越南驻外代表机构送交之申请文件收到公安部之查核结果之日起 15 日内，司法部负责重新审查申请文件；如认为申请人符合恢复越南国籍之条件，则应向政府总理报告，并提请国家主席审议决定。

Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin trở lại quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc kể từ ngày nhận được kết quả xác minh từ Bộ Công an đối với hồ sơ do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- 自收到政府总理之提请之日起 20 日内，国家主席应进行审议并作出决定。

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

## 联络方式 / Liên lạc chúng tôi



No.190, Le Niem St., Phu Thanh Ward, HCMC, VN

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ [business@everwin-group.com](mailto:business@everwin-group.com)



G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, HaNoi, VN

☎ M +84 908 398 199

✉ [business@everwin-group.com](mailto:business@everwin-group.com)



广州市天河区金穗路8号 - 星汇国际大厦22楼  
F22 号房

☎ M +86 - 198 7281 4318

✉ [service@everwin-group.cn](mailto:service@everwin-group.cn)

[www.everwin-group.com](http://www.everwin-group.com)

[www.everwin-group.cn](http://www.everwin-group.cn)

Think for you Do for you  
为您思考 用心服务

